

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/DS-PT

Ngày: 16/3/2018

V/v tranh chấp chia thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Bà Ngô Thị Thu Thiện

Các Thẩm phán:

Ông Vũ Viết Văn

Bà Trần Thị Liên Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:** Bà Trịnh Thu Tân. - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2018/TLPT-DS ngày 04 tháng 1 năm 2018 về việc: “Tranh chấp chia thừa kế”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2017/DSST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H.D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông N.Đ.D, sinh năm 1954; Địa chỉ: xóm X.H, xã L.H, huyện V.N, tỉnh T.N. Có mặt.

Bị đơn: Bà X.T.H, sinh năm 1947; Trú tại: xóm G, xã S.Đ, huyện H.D, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đ.T.N, sinh năm 1957; Trú tại: thôn Đ, xã S.Đ, huyện H.D, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Ông N.Đ.Y, sinh năm 1951; Trú tại: xóm G, xã S.Đ, huyện H.D, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Ông N.Đ.C, sinh năm 1960; Trú tại: xóm G, xã S.Đ, huyện H.D, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

4. Anh N.Đ.H, sinh năm 1974; Trú tại: xóm G, xã S.Đ, huyện H.D, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

5. Anh N.Đ.L, sinh năm 1976; Trú tại: xóm G, xã S.Đ, huyện H.D, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

6. Anh N.Đ.T, sinh năm 1982; Trú tại: xóm G, xã S.Đ, huyện H.D, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

7. Chị Đ.T.L, sinh năm 1979; Trú tại: Đội 7, xã D.L, huyện H.D, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

8. Chị C.T.B (N.T.B), sinh năm 1982; Trú tại: xóm G, xã S.Đ, huyện H.D, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

9. Cháu N.T.B, sinh năm 2011

10. Cháu N.Đ.Đ, sinh năm 2013

Người đại diện theo pháp luật của cháu H, cháu Đ: anh N.Đ.T và chị C.T.B là bố mẹ đẻ.

11. UBND xã S.Đ, huyện H.D, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND xã. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông N.Đ.D; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Đ.T.N và ông N.Đ.Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông N.Đ.D trình bày: Bố ông là cụ N.Đ.T đã chết năm 1974; Cụ T có 2 vợ; vợ cả là cụ Đ.T.B đã chết năm 1991. Cụ T và cụ B không có con; vợ hai là cụ B.T.B chết năm 2011. Cụ T và cụ B có 5 con chung là: N. Đ.C (chết năm 2011) còn vợ là X.T.H và 4 con là N.Đ.L, N.Đ.T, N.Đ.H, Đ.T.L; N.Đ.Y; N.Đ.D; Đ.T.N; N.Đ.C.

Nguồn gốc đất hiện nay ông có yêu cầu chia thừa kế là di sản của bố mẹ ông để lại có 240m² đất trên có 1 nhà cấp 4, 2 bể nước, sân gạch. Thừa đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban hành chính H. Đ xét cấp cho cụ T năm 1956.

Năm 1982, cụ B và ông C, ông Y phá nhà cũ xây lại 4 gian nhà thờ như hiện nay. Năm 2016 anh T, chị B xây 1 ngôi nhà 3 tầng mặc dù ông không đồng ý.

Cụ T chết không để lại di chúc; cụ B có để lại di chúc phân chia nhà đất cho các con cụ thể: trích 3,5 thước đất trả ông C và bà H vì có công hỗ trợ tiền cho ông C mua phần đất khác; còn lại 6,5 thước đất (156m²) chia 4 phần cho ông C, ông D, ông Y và bà N.

Nay ông yêu cầu chia thừa kế di sản của bố mẹ để lại theo di chúc là quyền sử dụng 156m² đất + nhà cấp 4 + bể nước mưa; Buộc anh T, chị B phá nhà trả lại

hiện trạng ban đầu. Trường hợp di chúc không được chấp nhận, ông đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật chia thừa kế di sản của bố mẹ ông để lại.

Bị đơn bà X.T.H trình bày: Bà là vợ ông C. Về quan hệ huyết thống trong gia đình ông C, bà nhất trí như trình bày của ông D.

Thửa đất hiện nay ông D có tranh chấp đúng của bố mẹ chồng bà để lại có diện tích 240m². Quá trình sử dụng đất, năm 1986 vợ chồng bà kê khai thửa đất đứng tên ông C và đóng thuế 200m² đất, nhưng thực sử dụng 240m² đất.

Quá trình sử dụng nhà đất, sau khi bố mẹ chồng bà chết thì vợ chồng bà tiếp tục ở tại nhà đất này. Năm 1982, nhà cũ nát và được sự đồng ý của mẹ chồng nên vợ chồng bà phá nhà cũ xây lại nhà 4 gian hiện nay. Năm 1985 theo yêu cầu của cụ B, vợ chồng bà có hỗ trợ tiền cho ông C mua đất chỗ khác, cụ B về đó ở với ông C và giao lại cho vợ chồng bà thửa đất này. Vợ chồng bà đã coi nói ra rãnh thoát nước bên cạnh nên diện tích đất thực đo là 298,5m².

Năm 2016, vợ chồng con trai bà là anh T và chị B xây một ngôi nhà 2,5 tầng trên diện tích đất vợ chồng bà coi nói thêm.

Ngoài ra vợ chồng bà phải trả nợ Hợp tác xã tín dụng xã S.Đ số tiền cụ T nợ 65 đồng.

Nay ông D kiện chia thừa kế di sản của cụ T và cụ B để lại; quan điểm của bà không đồng ý vì: thời hiệu mở thừa kế của cụ T đã hết; phần của cụ B đã cho vợ chồng bà rồi sau khi vợ chồng bà hỗ trợ cho ông C mua đất khác để ở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông N.Đ.Y trình bày: Ông nhất trí như lời khai của ông D về quan hệ huyết thống trong gia đình.

Về di sản: Bố mẹ ông có để lại thửa đất 240m² trên có ngôi nhà cấp 4 lợp lá cọ, bể nước, sân; Đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ T. Khi còn sống cụ T không vay mượn tiền của ai. Cụ T chết do cụ B lo ma; cụ B chết do anh em ông cùng lo ma cho mẹ; Trước khi chết cụ B có viết di chúc phân chia tài sản cho các con. Nay ông D kiện chia thừa kế di sản của bố mẹ để lại, ông đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

2. Ông N.Đ.C trình bày: Ông nhất trí như lời khai của ông D về quan hệ huyết thống trong gia đình.

Về di sản: Bố mẹ ông có 240m² đất ở; khi Cụ T chết không để lại di chúc; Năm 1985, cụ B đã phân chia thửa đất này cho ông và ông C mỗi người ½. Vì đất chật nên vợ chồng ông C hỗ trợ tiền 35.000 đồng cho ông mua đất khác. Còn ông D và ông Y đã thoát ly nên cụ B không chia.

Nay ông D kiện chia thừa kế di sản của bố mẹ, ông không nhất trí di chúc của cụ B và đề nghị chia thừa kế theo pháp luật; kỷ phần thừa kế của ông trả cho vợ con ông C.

3. Bà Đ.T.N trình bày: Bà nhất trí như lời khai của ông D về quan hệ huyết thống trong gia đình.

Bà có biết di chúc cụ B phân chia nhà đất cho các con như trình bày của ông D. Đất của bố mẹ để lại đôi ra là do đo đạc nhầm; không có việc vợ chồng ông C coi nói thêm đất.

Nay ông D kiện chia thừa kế di sản của bố mẹ để lại, bà nhất trí và xin hưởng ký phần thừa kế bằng hiện vật.

4. Anh N.Đ.T và chị N.T.B trình bày: Nhà 2,5 tầng là của anh chị xây năm 2016. Anh chị không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông D. Trường hợp phải chia thừa kế thì anh chị xin nhận ký phần thừa kế bằng hiện vật chung với bà H.

5. Anh N.Đ.H, anh N.Đ.L và chị Đ.T.L trình bày: Các anh chị nhất trí như lời khai và yêu cầu của anh N.Đ.T và chị N.T.B.

Bản án sơ thẩm số 14/2017/DSST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H.D đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông N.Đ.D về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ B.T.B.

2. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ B là tháng 11/2011, chia thừa kế di sản của cụ B.T.B để lại theo pháp luật.

3. Xác định di sản của cụ B.T.B để lại sau khi trừ đường đi chung, có giá trị là 964.575.000 đồng (Chín trăm sáu mươi tư triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ B gồm: ông Y, ông D, bà N, ông C và các anh chị H, L, T, L.

5. Ghi nhận sự tự nguyện của các anh chị: H, L, T, L gộp phần mình được hưởng vào một khối và giao cho bà D Thị H quản lý.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà H giao cho anh N.Đ.T và chị C.T.B phân diện tích đất anh chị đã xây dựng nhà 2,5 tầng.

6. Giao ông N.Đ.D phân diện tích đất 40,67m² có giá trị là: 366.030.000 đồng (Ba trăm sáu mươi sáu triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng).

7. Giao anh N.Đ.T và chị C.T.B sở hữu nhà 2,5 tầng, sân lát xi măng, tường bao, giếng khoan, bể lọc nước trên diện tích đất 86,18m². Trong đó giao anh T, chị B quyền sử dụng diện tích 29,68m² đất và tạm giao quyền sử dụng đối với diện tích 58,5m² đất do vợ chồng bà H coi nói cải tạo thêm, anh T và chị B có trách nhiệm thực hiện đúng theo quy định của pháp luật đối với phần quyền sử dụng đất tạm giao này.

Tổng tài sản anh T, chị B được giao có tổng giá trị: 2.002.162.000 đồng (Hai tỷ, không trăm linh hai triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

8. Giao bà D T H sở hữu nhà cấp 4, sân láng xi măng, mái tôn khung thép, trụ cổng, cửa sắt, giếng khoan, bể nước, bể lọc nước, tường bao trên diện tích đất 146m², có tổng giá trị là: 1.420.695.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm hai mươi triệu, sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

9. Ông N.Đ.D có trách nhiệm thanh toán cho ông N.Đ.Y số tiền 173.115.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu, một trăm mười lăm nghìn đồng).

10. Bà D T H có trách nhiệm thanh toán cho bà Đ.T.N số tiền: 192.915.000 đồng và thanh toán cho ông N.Đ.Y số tiền là: 19.800.000 đồng (Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Xác định ngọc đi chung của ông D, bà H, anh T và chị B có diện tích là 25,65m².

Các bên phải tự mở lối đi ra phần ngõ đi chung và tự tháo dỡ các tài sản mình được giao trên đất của người khác.

(Có sơ đồ giao đất kèm theo).

Các bên có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp GCNQSD đất theo quy định của pháp luật.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/9/2017 ông N.Đ.Y; ngày 22/9/2017 ông N.Đ.D và bà Đ.T.N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 14/2017/DSST ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H.D.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo: giữ nguyên nội dung đơn đã kháng cáo.

Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Theo quy định tại Điều 623 BLDS 2015 và giải đáp số 01 ngày 5/1/2018 của Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về thời hiệu mở thừa kế; như vậy thời hiệu mở thừa kế của cụ T còn theo luật định. Vì vậy, đề nghị Hội đồng

xét xử huỷ án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Toà án nhân dân huyện H. Giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; yêu cầu của các đương sự; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về nguồn gốc tài sản có tranh chấp chia thừa kế là của cụ N.Đ.T và cụ B.T.B. Tài sản gồm có: 240m² đất; 1 nhà cấp 4; 02 bể nước; sân G. Nhà đất đã được Ủy ban hành chính H. Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ N.Đ.T năm 1956.

Cụ T chết năm 1974.

Cụ B chết tháng 9/2011.

Hàng thừa kế thứ nhất của các cụ gồm: ông Y; bà N; ông C; ông D; ông C. Ông C chết nên các con ông hưởng thế vị là anh L, anh T, anh H; chị L.

Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ T và cụ B để lại.

Bị đơn không nhất trí yêu cầu của nguyên đơn vì: cụ T chết đến nay đã hết thời hiệu chia thừa kế; Thời hiệu thừa kế của cụ B còn nhưng khi còn sống cụ B đã phân chia tài sản hết không còn để chia.

Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý vụ án với quan hệ pháp luật là Tranh chấp chia thừa kế tài sản là đúng theo Điều 26 BLTTDS.

Về thời hiệu mở thừa kế: Toà án cấp sơ thẩm nhận định về thời điểm cụ T chết năm 1974 tính đến tháng 5/2014 là đã quá 10 năm; ông D cũng không có tài liệu chứng minh về trở ngại khách quan để tính lại thời hiệu khởi kiện của cụ T. Nên xác định thời hiệu mở thừa kế của cụ T đã hết là đúng theo Điều 645 BLDS năm 2005.

Tuy nhiên theo quy định tại Điều 623 BLDS 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế là 30 năm kể từ thời điểm người để lại di sản chết. Và ngày 5/1/2018 Toà án nhân dân Tối Cao đã có giải đáp số 01/GĐ-TANDTC hướng dẫn một số vấn đề về nghiệp vụ “ ...Đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, cụ thể là thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990”. Như vậy thời hiệu mở thừa kế của cụ T còn theo luật định.

Toà án cấp sơ thẩm chưa mở thừa kế chia di sản của cụ T theo quy định pháp luật. Cần phải huỷ án sơ thẩm giao hồ sơ lại cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Do huỷ án sơ thẩm nên ông D, ông Y và bà N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS: Huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/DSST ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H.D, Thành phố Hà Nội.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện H.D để giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Hoàn trả ông N.Đ.D số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0007618 ngày 22/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.D.

Hoàn trả ông N.Đ.Y số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0007616 ngày 22/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.D.

Hoàn trả bà Đ.T.N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0007617 ngày 22/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.D.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội
- Tòa án nhân dân huyện H.D
- Chi cục THADS huyện H.D
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thu Thiện